

PHỤ LỤC 02

Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
* XÃ PHƯỚC GIANG													6.313.012.875
I.	NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI												
1	Huỳnh Văn Thân	21/6/1968	Đại học	BT Đảng ủy	Đảng ủy xã Hành Nhân (cũ)	13.513.500	33 năm 7 tháng	57 tuổi	01/7/2025	5 năm	x		1.331.079.750
2	Võ Tư	13/10/1965	Đại học	CT UBMTTQVN xã	Đảng ủy xã Hành Nhân (cũ)	12.255.750	20 năm 9 tháng	59 tuổi 8 tháng	01/7/2025	2 năm 01 tháng	x		545.380.875
3	Huỳnh Văn Toàn	10/7/1970	Đại học	PCT UBND xã	UBND xã Hành Nhân (cũ)	12.255.750	27 năm 6 tháng	54 tuổi 11 tháng	01/7/2025	7 năm 01 tháng	x		1.155.104.437
4	Phạm Văn	20/02/1965	Đại học	PCT UBND xã	UBND xã Hành Dũng (cũ)	13.221.000	34 năm 9 tháng	60 tuổi 4 tháng	01/7/2025	01 năm 02 tháng	x		185.094.000
5	Đoàn Tấn Nguyên	23/8/1970	Đại học	PBT Đảng ủy, CT UBND	UBND thị trấn Chợ Chùa (cũ)	13.367.250	32 năm 4 tháng	54 tuổi 10 tháng	01/7/2025	7 năm 2 tháng	x		1.293.281.438
6	Võ Thị Thanh Trà	16/3/1975	Đại học	Huyện ủy viên, PCT Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện	Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Nghĩa Hành (cũ)	17.590.950	27 năm 11 tháng	50 tuổi 3 tháng	01/7/2025	9 năm 5 tháng	x		1.803.072.375
* XÃ ĐÌNH CƯƠNG													9.176.172.164
I.	NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI												
7	Huỳnh Xuân Vinh	05/6/1965	Đại học	BT Đảng ủy	Đảng ủy xã Hành Thịnh (cũ)	11.583.000	19 năm 4 tháng	60 tuổi	01/7/2025	01 năm 6 tháng	x		208.494.000
8	Lê Văn Thanh	22/02/1968	Đại học	CC Tư pháp - Hộ tịch	UBND xã Hành Phước (cũ)	12.636.000	30 năm	57 tuổi 4 tháng	01/7/2025	4 năm 8 tháng	x		1.168.830.000
9	Huỳnh Ngọc Hải	12/10/1966	Đại học	CC Văn phòng - Thống kê	UBND xã Hành Thịnh (cũ)	11.670.750	21 năm 2 tháng	58 tuổi 8 tháng	01/7/2025	3 năm 4 tháng	x		755.681.063

10	Võ Công Thành	01/01/1971	Đại học	BT Đảng ủy	Đảng ủy xã Hành Phước (cũ)	12.548.250	19 năm 10 tháng	54 tuổi 5 tháng	01/7/2025	7 năm 7 tháng	x		1.160.713.125
11	Huỳnh Thanh Long	19/8/1968	Đại học	CT UBND xã	UBND xã Hành Thịnh (cũ)	12.402.000	28 năm 2 tháng	56 tuổi 10 tháng	01/7/2025	5 năm 2 tháng	x		1.075.873.500
12	Huỳnh Văn Dương	30/5/1970	Đại học	PCT UBND xã	UBND xã Hành Thịnh (cũ)	10.325.250	27 năm 6 tháng	55 tuổi 01 tháng	01/7/2025	6 năm 11 tháng	x		952.504.313
13	Nguyễn Ngọc Hùng	24/8/1969	Đại học	Viên chức	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	11.653.200	35 năm 02 tháng	55 tuổi 10 tháng	01/7/2025	6 năm 2 tháng	x		1.098.314.100
14	Nguyễn Văn Nhâm	01/5/1973	Thạc sĩ	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nghĩa Hành (cũ)	16.865.550	28 năm 4 tháng	52 tuổi 1 tháng	01/7/2025	9 năm 11 tháng	x		1.766.666.000
II. NGHỈ THỜI VIỆC													
15	Nguyễn Thế Sứ	18/11/1976	Đại học	Công chức Văn phòng - thống kê	UBND xã Hành Phước (cũ)	11.670.750	22 năm 6 tháng	48 tuổi 7 tháng	01/7/2025			x	989.096.063
* XÃ BA TƠ													10.312.724.696
I. NGHỈ THỜI VIỆC													
16	Đinh Thị Ái Ly	4/9/1978	Thạc sĩ	Phó trưởng phòng	Phòng GD và ĐT huyện Ba Tơ (cũ)	14.566.500	23 năm 8 tháng	46 tuổi 9 tháng	01/7/2025			x	1.267.285.500
17	Lê Thị Minh Tâm	20/10/1977	Trung cấp	Công chức Văn hóa - Xã hội	UBND xã Ba Cung (cũ)	8.950.500	20 năm 6 tháng	47 tuổi 8 tháng	01/7/2025			x	731.703.375
18	Trịnh Văn Cầm	24/5/1980	Đại học	Chủ tịch UBND xã Ba Tơ (cũ)	UBND thị trấn Ba Tơ (cũ)	10.325.250	14 năm	45 tuổi 01 tháng	01/7/2025			x	743.418.000
19	Phạm Thị Quyển	23/01/1983	Đại học	Công chức Tài chính - kế toán	UBND xã Ba Cung (cũ)	10.705.500	17 năm 08 tháng	42 tuổi 6 tháng	01/7/2025			x	835.029.000
II. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
20	Trần Thị Xuân Nương	06/9/1970	Đại học	Chuyên viên phòng giáo dục	Phòng GD và ĐT huyện Ba Tơ (cũ)	12.636.000	24 năm 6 tháng	54 tuổi 9 tháng	01/7/2025	02 năm 11 tháng	x		742.365.000
21	Nguyễn Thị Phương Đông	10/10/1973	Đại học	Phó chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện Ba Tơ (cũ)	15.444.000	27 năm 4 tháng	51 tuổi 8 tháng	01/7/2025	7 năm 4 tháng	x		1.455.597.000
22	Ngô Thanh Hoàng	01/2/1973	Lái Xe	Lái Xe	Văn phòng HĐND và UBND huyện Ba Tơ (cũ)	12.848.648	29 năm 6 tháng	52 tuổi 4 tháng	01/7/2025	9 năm 8 tháng	x		1.352.320.149
23	Huỳnh Hữu Tâm	05/8/1969	Lái Xe	Lái Xe	Văn phòng HĐND và UBND huyện Ba Tơ (cũ)	12.848.648	29 năm 9 tháng	55 tuổi 9 tháng	01/7/2025	06 năm 3 tháng	x		1.175.651.246

24	Lê Thanh Lực	01/01/1967	Đại học Bảo vệ thực vật	Phó Đội trưởng	Đội Quản lý đô thị và các công trình công cộng huyện Ba Tơ (cũ)	12.820.392	38 năm 10 tháng	58 tuổi 5 tháng	01/7/2025	3 năm 7 tháng	x		1.012.810.968
25	Nguyễn Minh Giang	27/7/1969	Trung cấp Xây dựng cầu đường bộ	Viên chức	Đội Quản lý đô thị và các công trình công cộng huyện Ba Tơ (cũ)	10.545.444	35 năm 11 tháng	55 tuổi 11 tháng	01/7/2025	6 năm 01 tháng	x		996.544.458
* ĐẶC KHU LÝ SƠN													7.078.443.768
I. NGHỈ THÔI VIỆC													
26	Lữ Đức Hạnh	19/7/1975	Đại học	Phó Chủ tịch UBND huyện	Ủy ban MTTQVN huyện Lý Sơn (cũ)	18.787.860	27 năm 04 tháng	49 tuổi 11 tháng	01/7/2025			x	1.733.180.085
27	Nguyễn Thanh Tùng	18/5/1974	Đại học	Chuyên viên Văn phòng huyện	Văn phòng huyện Lý Sơn (cũ)	14.471.730	21 năm 06 tháng	51 tuổi 01 tháng	01/7/2025			x	1.204.771.522
II. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
28	Bùi Thế Lại	25/12/1968	Đại học	Phó Chủ tịch Hội Nông dân huyện	Hội nông dân huyện Lý Sơn (cũ)	21.316.604	26 năm 05 tháng	56 tuổi 06 tháng	01/7/2025	05 năm 06 tháng	x		1.827.898.827
29	Nguyễn Dự	17/10/1964	Đại học	Chuyên viên Hội Cựu Chiến binh huyện	Hội Cựu Chiến binh huyện Lý Sơn (cũ)	13.274.820	35 năm 04 tháng	60 tuổi 08 tháng	01/7/2025	10 tháng	x		132.748.200
30	Phan Văn Lâm	20/6/1971	Đại học	Chuyên viên Ủy ban Mặt trận TQVN huyện	Ủy ban MTTQVN huyện Lý Sơn (cũ)	14.471.730	21 năm 06 tháng	54 tuổi	01/7/2025	8 năm	x		1.349.488.822
31	Phan Thị Lợi	10/4/1971	Đại học	Chuyên viên Ủy ban Mặt trận TQVN huyện	Ủy ban MTTQVN huyện Lý Sơn (cũ)	12.077.910	25 năm 06 tháng	54 tuổi 02 tháng	01/7/2025	03 năm 06 tháng	x		830.356.312
* PHƯỜNG NGHĨA LỘ													16.469.015.063
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
32	Hồ Văn Cẩm	16/02/1965	Trung cấp Quản lý Kinh tế	Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	UBND phường Quảng Phú (cũ)	11.290.500	41 năm	60 tuổi 04 tháng	01/7/2025	01 năm 02 tháng	x		158.067.000
33	Phạm Viết Át	23/03/1965	Cử nhân ngành Luật kinh tế	Chủ tịch UBND	UBND phường Lê Hồng Phong (cũ)	11.436.750	27 năm 11 tháng	60 tuổi 03 tháng	01/7/2025	01 năm 03 tháng	x		171.551.250
34	Phan Thị Lý	03/10/1970	Cử nhân ngành Luật	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	UBND phường Nghĩa Lộ (cũ)	12.255.750	27 năm 06 tháng	54 tuổi 08 tháng	01/7/2025	03 năm	x		750.664.688

35	Dương Tấn Đức	20/07/1967	Đại học Quản lý văn hoá	Công chức Văn hoá - xã hội	UBND phường Quảng Phú (cũ)	9.740.250	23 năm 06 tháng	57 tuổi 11 tháng	01/7/2025	04 năm 01 tháng	x		776.784.938
36	Trần Quang Việt	10/01/1967	Cử nhân ngành Luật	Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam	UBND phường Lê Hồng Phong (cũ)	13.221.000	25 năm 02 tháng	58 tuổi 05 tháng	01/7/2025	03 năm 07 tháng	x		955.217.250
37	Lê Hồng Thư	15/07/1970	Cử nhân ngành Luật	Phó Bí thư Đảng ủy	UBND phường Nghĩa Lộ (cũ)	10.471.500	28 năm 07 tháng	54 tuổi 11 tháng	01/7/2025	07 năm 01 tháng	x		994.792.500
38	Cao Ngọc Vũ	15/08/1968	Cử nhân ngành Luật	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân	UBND phường Quảng Phú (cũ)	13.367.250	23 năm 02 tháng	56 tuổi 10 tháng	01/7/2025	05 năm 02 tháng	x		1.126.190.813
39	Nguyễn Thái Sơn	04/11/1970	Đại học Quản lý Nhà nước	Chủ tịch Hội nông dân	UBND phường Quảng Phú (cũ)	12.109.500	21 năm 01 tháng	54 tuổi 07 tháng	01/7/2025	07 năm 05 tháng	x		1.104.991.875
40	Lê Thanh Thuý	01/05/1973	Đại học Kế toán	Công chức Tài chính - kế toán	UBND phường Quảng Phú (cũ)	13.601.250	27 năm 06 tháng	52 tuổi 01 tháng	01/7/2025	06 năm 11 tháng	x		1.254.715.313
41	Hồ Kỳ Phương	20/02/1969	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chủ tịch UBND	UBND phường Trần Phú (cũ)	12.402.000	31 năm 07 tháng	56 tuổi 04 tháng	01/7/2025	05 năm 08 tháng	x		1.122.381.000
42	Nguyễn Mạnh Hùng	27/09/1970	Cử nhân Quản lý Nhà nước	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	UBND phường Trần Phú (cũ)	14.186.250	30 năm 06 tháng	54 tuổi 09 tháng	01/7/2025	07 năm 03 tháng	x		1.358.333.438
43	Lê Thanh Phong	05/07/1970	Cử nhân ngành Luật học	Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	UBND phường Lê Hồng Phong (cũ)	14.186.250	29 năm 04 tháng	54 tuổi 11 tháng	01/7/2025	07 năm 01 tháng	x		1.351.240.313
44	Huỳnh Thị Bích Liên	16/10/1972	Cử nhân ngành Luật học	Công chức Văn phòng - thống kê	UBND phường Lê Hồng Phong (cũ)	10.705.500	20 năm 06 tháng	52 tuổi 08 tháng	01/7/2025	06 năm	x		907.291.125
II. NGHỈ THÔI VIỆC													
45	Vô Văn Vinh	04/06/1976	Đại học Hành chính học	Chủ tịch UBND	UBND phường Nghĩa Lộ (cũ)	12.402.000	20 năm 11 tháng	49 tuổi	01/7/2025			x	1.023.165.000
46	Nguyễn Văn Nam	05/11/1981	Thạc sĩ Đất đai; Đại học Quản lý Đất đai	Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	UBND phường Trần Phú (cũ)	11.670.750	18 năm 09 tháng	43 tuổi 07 tháng	01/7/2025			x	927.824.625
47	Nguyễn Nhật Quang	20/02/1983	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Công chức Văn hoá - xã hội	UBND phường Trần Phú (cũ)	9.740.250	15 năm 09 tháng	42 tuổi 04 tháng	01/7/2025			x	730.518.750
48	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	05/01/1981	Đại học ngành Công thôn	Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	UBND phường Trần Phú (cũ)	11.670.750	18 năm 07 tháng	44 tuổi 05 tháng	01/7/2025			x	927.824.625
49	Nguyễn Thị Hiền	18/11/1979	Cử nhân Kế toán	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	UBND phường Lê Hồng Phong (cũ)	11.144.250	15 năm 03 tháng	45 tuổi 07 tháng	01/7/2025			x	827.460.563

* PHƯỜNG ĐẮK CẨM													10.819.509.188
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
50	Lê Trọng Đậu	27/09/1966	Đại học	Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐND	phường Duy Tân, thành phố Kon Tum (cũ)	13.367.250	25 năm 06 tháng	58 tuổi 09 tháng	01/7/2025	03 năm 03 tháng	x		878.896.688
51	Nguyễn Xuân Sơn	16/05/1971	Đại học	Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBND	phường Duy Tân, thành phố Kon Tum (cũ)	12.402.000	21 năm 05 tháng	54 tuổi 01 tháng	01/7/2025	07 năm 11 tháng	x		1.156.486.500
52	Dương Văn Thuận	26/06/1969	Đại học	Phó Chủ tịch UBND	phường Duy Tân, thành phố Kon Tum (cũ)	12.255.750	24 năm 06 tháng	56 tuổi 0 tháng	01/7/2025	6 năm 0 tháng	x		1.063.186.313
53	Nguyễn Hải Quang	03/02/1972	Đại học	Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐND	phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum (cũ)	10.617.750	32 năm 06 tháng	53 tuổi 04 tháng	01/7/2025	08 năm 08 tháng	x		1.090.973.813
54	Nguyễn Ngọc Hạnh	01/11/1972	Đại học	Phó Chủ tịch UBND	phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum (cũ)	10.325.250	21 năm 05 tháng	52 tuổi 07 tháng	01/7/2025	09 năm 05 tháng	x		1.024.781.063
55	Nguyễn Văn Vụ	10/12/1969	Đại học	Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐND	xã Đăk Cẩm, thành phố Kon Tum (cũ)	13.513.500	33 năm 07 tháng	55 tuổi 06 tháng	01/7/2025	06 năm 06 tháng	x		1.263.512.250
II. NGHỈ THÔI VIỆC													
56	Nghiêm Vũ Dương	24/02/1971	Đại học	Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh	phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum (cũ)	6.581.250	08 năm 02 tháng	54 tuổi 04 tháng	01/7/2025			x	419.554.688
57	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10/10/1984	Đại học	Phó Chủ tịch HĐND	phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum (cũ)	10.179.000	14 năm 05 tháng	40 tuổi 08 tháng	01/7/2025			x	740.522.250
58	Phạm Thị Như Huyền	8/4/1977	Đại học	Chuyên viên Tài chính - Kế toán	phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum (cũ)	11.670.750	21 năm 0 tháng	48 tuổi 02 tháng	01/7/2025			x	962.836.875
59	Nguyễn Văn Sự	01/02/1979	Đại học	Chuyên viên Tư pháp - Hộ tịch	phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum (cũ)	10.705.500	24 năm 06 tháng	46 tuổi 04 tháng	01/7/2025			x	939.407.625
60	Nguyễn Văn Hoà	12/4/1967	Đại học	Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự	xã Đăk Cẩm, thành phố Kon Tum (cũ)	10.120.500	15 năm 06 tháng	58 tuổi 02 tháng	01/7/2025			x	751.447.125
61	Lê Việt Hùng	22/02/1968	Đại học	Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh	xã Đăk Cẩm, thành phố Kon Tum (cũ)	7.488.000	12 năm 11 tháng	57 tuổi 03 tháng	01/7/2025			x	527.904.000